



rèn hé rén
任何人

pronoun · anyone / anybody

Example Sentences

Nǐ kě yǐ wèn rèn hé rén zhè ge wèn tí.
你可以问任何人这个问题。

You can ask anyone this question.

Rèn hé rén dōu bù zhǔn jìn rù zhè ge fáng jiān.
任何人都不能进入这个房间。

No one is allowed to enter this room.

Trace each character, then write the word on your own.

任	任	任	任	任	任	任	任	任		
何	何	何	何	何	何	何	何	何	何	
人	人	人	人	人						